

Bản án số: 193/2021/DS-ST

Ngày: 29-11-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Trần Ái Vy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Đặng Khắc Di

2/ Ông Trần Khắc Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 456/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2021/QĐXXST-DS ngày 01/11/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 Đường k, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, địa chỉ liên hệ: Lầu 8, số 266 – 268 Đường k, Phường A, Quận B, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông T, sinh năm 1990

Địa chỉ: 209 đường C, Phường H, quận T, Thành phố H (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Ngọc Minh đều trình bày: Ngày 06/11/2013, ông T (gọi tắt là ông T) có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và

điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Sau khi phê duyệt, ngân hàng đã cấp cho ông T 01 thẻ tín dụng quốc tế có số thẻ là 472074-5148 với hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.603.555 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.265.755 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/8/2018, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 29/11/2021, ông T còn nợ ngân hàng tổng số tiền là số tiền nợ gốc và lãi là 7.908.453 đồng trong đó nợ gốc là 3.140.566 đồng, lãi quá hạn là: 4.767.887 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Trần Quốc Thắng phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ nêu trên 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Ngọc Minh có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự vắng mặt của các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/11/2013 được ký giữa ngân hàng và ông T thì ông T cung cấp địa chỉ hộ khẩu thường trú tại: 209 đường C, Phường H, quận T, Thành phố H và địa chỉ nơi ở hiện tại: 29 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 04/11/2020, Công an Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh tình trạng cư trú của ông T như sau: “Ông T không cư ngụ, không có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 29 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 04/11/2020, Công an Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh tình trạng cư trú của ông T như sau: “ông T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 209 đường C, Phường H, quận T, Thành phố H, đang tạm trú tại địa chỉ: 103/25 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Xác minh ngày 18/11/2020 của Công an phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì “ông T có đăng ký tạm trú nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ: 103/25 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông T.

Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Xét thấy trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[3] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/11/2013 được ký giữa ngân hàng và ông T được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết*”. Theo khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì “*Văn bản quy phạm pháp*

*luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”.* Như vậy, khi giải quyết vụ án này cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Việc áp dụng về thời hiệu cũng như nghĩa vụ trả nợ nếu có sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 để giải quyết cho phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/11/2013 được ký giữa ngân hàng và ông T được các bên xác định là tự nguyện thỏa thuận, ký kết phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 389 của Bộ luật dân sự 2005. Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124, Điều 401 của Bộ luật dân sự 2005. Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Ngân hàng TMCP S nên được xác định là hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4.2] Ngày 06/11/2013, Ngân hàng và ông T có ký kết văn bản “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S” (gọi chung là hợp đồng). Sau khi phê duyệt, ngân hàng đã cấp cho ông T 01 thẻ tín dụng quốc tế có số thẻ là 472074-5148 với hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.603.555 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.265.755 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 29/11/2021, ông T còn nợ ngân hàng tổng số tiền là số tiền nợ gốc và lãi là 7.908.453 đồng trong đó nợ gốc là 3.140.566 đồng, lãi quá hạn là: 4.767.887 đồng. Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và khoản , khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng khi khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng thì Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc còn lại chưa thanh toán. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ nêu trên và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4.3] Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông T sang nợ quá hạn từ ngày 06/8/2018. Xét ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của ngân hàng do đó ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 122; 124; 389; 401 và 405 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466 và các điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :

Ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 7.908.453 đồng trong đó nợ gốc là 3.140.566 đồng, lãi quá hạn là: 4.767.887 đồng để chấm dứt hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 472074-5148 ngày 06/11/2013, thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/11/2013, Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S”.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 395.423 (Ba trăm chín mươi lăm ngàn bốn trăm hai mươi ba) đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0068537 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Trần Ái Vy**